

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 4 năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích  
phát triển ngành mây tre tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015 - 2020**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg ngày 18/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển ngành mây tre;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BNNPTNN-BKHĐT-BTC ngày 28/4/2014 của Liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg ngày 18/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển ngành mây tre;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 644/TTr-SNNPTNT ngày 31/3/2015 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích phát triển ngành mây tre tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015 - 2020; Sở Tài chính tại Công văn số 665/STC-TCHCSN ngày 20/3/2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích phát triển ngành mây tre tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015 - 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH  
Lê Viết Chữ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển ngành mây tre tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND  
ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

#### **Phần I**

### **THỰC TRẠNG NGÀNH MÂY TRE TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

#### **I. Thực trạng ngành mây tre trên địa bàn tỉnh**

##### **1. Hiện trạng vùng nguyên liệu mây, tre**

Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2013 thì diện tích rừng tre trên địa bàn tỉnh là: 1.043,43 ha, trong đó:

- Diện tích rừng tre nửa tự nhiên: 1.034,92 ha.
- Diện tích rừng trồng tre luồng: 8,51 ha.

Các loài tre chủ yếu phân bố rải rác trong rừng tự nhiên, diện tích rừng trồng tre không đáng kể.

Mây khai thác được chủ yếu là do người dân vào rừng, vào nương rẫy khai thác với số lượng không lớn, chế biến thô rồi bán lại cho các thương lái, sản lượng khai thác hàng năm là: 165 - 170 tấn.

Tre khai thác được chủ yếu từ vườn nhà, ven sông, ven suối, sản lượng tre khai thác hàng năm là: 1,5 triệu - 1,6 triệu cây.

##### **2. Tình hình sản xuất của các cơ sở sản xuất mây, tre trên địa bàn**

Trên địa bàn tỉnh, hiện có khoảng 100 cơ sở sản xuất các mặt hàng mây, tre (chủ yếu là tre), được phân bố chủ yếu ở các huyện đồng bằng, như sau:

###### **a) Thành phố Quảng Ngãi**

- Có 01 cơ sở sản xuất dũa tre nằm trong cụm công nghiệp, làng nghề Tịnh Ấn Tây: công suất 200 tấn dũa/năm, giải quyết việc làm cho 40 lao động thường xuyên, thu nhập bình quân hơn 3,5 triệu đồng/lao động/tháng, nguyên liệu đầu vào phần lớn được nhập từ 6 huyện miền núi trong tỉnh, thị trường tiêu thụ: 80% xuất khẩu, 20% trong nước.

- Làng nghề mây tre đan Tịnh Ấn Tây: chuyên sản xuất giỏ đựng trái cây, rọ

heo, đũa tre,...Hội Nông dân xã đã đứng ra thành lập 01 Hội làng nghề truyền thống với 32 hộ tham gia và 06 hộ sản xuất ngoài Hội, giải quyết việc làm cho khoảng 80 lao động, thu nhập trung bình 1,8 - 2,5 triệu đồng/lao động/tháng.

b) Huyện Đức Phổ: làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ mây tre đan Phổ Ninh, đa số các hộ đã chuyển đổi qua nghề làm chổi, hiện có 01 cơ sở sản xuất mặt hàng về mây, tre nhưng cơ sở này hoạt động không ổn định, chủ yếu sản xuất theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

c) Huyện Bình Sơn: có 60 cơ sở, quy mô hộ gia đình, tại các xã: Bình Dương (30 hộ), Bình Chương (02 hộ), Bình Hiệp (28 hộ), số lao động: 01 người/hộ, thu nhập trung bình gần 1 triệu đồng/lao động/tháng, chuyên sản xuất các mặt hàng như thúng, giỏ, rổ.

Ngoài ra, còn có một số cơ sở khác với quy mô hộ gia đình, nằm rải rác trên địa bàn các huyện trong tỉnh.

Nguồn nguyên liệu để phục vụ sản xuất hàng mây tre được khai thác chủ yếu trong tỉnh. Các sản phẩm hàng mây tre còn mang tính giản đơn, giá trị thấp và được tiêu thụ phần lớn trong tỉnh, chỉ có 01 cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ mây đan Phổ Ninh sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu nhưng số lượng không lớn, độ tinh xảo chưa cao.

### **3. Thuận lợi và khó khăn**

#### **a) Thuận lợi**

Cây mây, tre đã gắn liền với đời sống sản xuất và tinh thần của người dân nông thôn, nếu phát triển trồng, khai thác mây, tre đúng hướng sẽ tạo thêm động lực phát triển kinh tế, duy trì nghề truyền thống, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân nông thôn.

Các loài mây, tre có biên độ sinh thái rộng, có khả năng gây trồng tập trung ở các vùng đồi núi, đồng thời có thể gây trồng phân tán, phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Việc trồng, khai thác, chế biến các sản phẩm mây, tre không những góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho một bộ phận gia đình sinh sống dựa vào rừng, ngoài rừng mà còn góp phần vào việc tăng độ che phủ của rừng phòng hộ, chống xói lở ở các vùng đầu nguồn, ven sông, ven suối, hồ đập thủy lợi.

#### **b) Khó khăn**

Đặc điểm vùng mây, tre nguyên liệu tỉnh Quảng Ngãi còn rất hạn chế về số lượng và chất lượng nên không thể sản xuất ra những sản phẩm thủ công mỹ nghệ có giá trị cao trên thị trường.

Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức chưa mạnh dạn đầu tư xây dựng doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng mây, tre với qui mô lớn.

Thiếu kỹ thuật, thiếu người rành nghề về sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ mây, tre.

Các sản phẩm sản xuất ra khó tiêu thụ hoặc tiêu thụ được cũng chỉ ở mức cầm chừng.

Các cấp chính quyền chưa thật sự quan tâm đến việc sản xuất các mặt hàng mây, tre.

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NGÀNH MÂY TRE TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Mục tiêu chung**

- Giữ ổn định và phát triển vùng tre phòng hộ ven sông, ven suối, hồ đập thủy lợi.
- Phát triển, nâng cao chất lượng ngành nghề sản xuất mây, tre hiện có.
- Khuyến khích trồng tre để chống sạt lở, trồng mây, tre trong diện tích đất quy hoạch cho rừng sản xuất đã được UBND tỉnh phê duyệt.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Về phát triển vùng nguyên liệu:
  - + Phấn đấu hàng năm trồng mây, tre theo quy hoạch rừng sản xuất đạt 200 ha.
  - + Hàng năm trồng 20 ha (tập trung) tre phòng hộ ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao.
- Sản lượng khai thác hàng năm: phấn đấu hàng năm khai thác 150 tấn mây; 02 triệu cây tre.
- Ngành nghề sản xuất mây, tre: Khuyến khích phát triển ngành sản xuất mây, tre từng bước sản xuất các dụng cụ sinh hoạt gia đình và dần dần phát triển thành ngành hàng hóa lớn.
- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển ngành mây, tre thành quy mô sản xuất hàng hóa chuyên nghiệp gắn với bảo vệ môi trường.

#### **II. Những nhiệm vụ chủ yếu**

1. Lập dự án trồng tre phòng hộ ven sông, ven suối, hồ đập thủy lợi.
2. Khuyến khích sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất từ các chương trình mục tiêu quốc gia như: 30a, 135 và các chương trình mục tiêu quốc gia khác để trồng mây, tre tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
3. Xây dựng mô hình khuyến nông về phát triển mây, tre: chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, giống mới,... về trồng, chế biến, tiêu thụ các mặt hàng mây, tre cho nhân dân.
4. Khuyến khích các tổ chức liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng mây, tre.

#### **III. Các giải pháp chủ yếu**



	- Vốn NSNN	3.000	500	500	500	500	500	500
4	<b>Dự án khuyến nông hàng năm</b>	<b>1.200</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>200</b>
	- Vốn NSNN	1.200	200	200	200	200	200	200

## VI. Phân giao nhiệm vụ

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố lập dự án trồng tre phòng hộ chung toàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở để thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện thống nhất kế hoạch phát triển ngành mây, tre trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch, định kỳ (ngày 15/12 hàng năm) và đột xuất báo cáo về UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

- Hàng năm, cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm, tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính (kinh phí sự nghiệp) và Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn đầu tư) tổng hợp dự toán chi ngân sách địa phương.

### 2. Các Sở, ban, ngành liên quan

#### a) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư để thực hiện phát triển ngành mây tre hàng năm trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở ngành nghề sản xuất các mặt hàng mây, tre được hưởng lợi từ chính sách của Chính phủ.

#### b) Sở Tài chính

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu kinh phí của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và khả năng ngân sách, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp đối với kinh phí sự nghiệp hỗ trợ khuyến khích phát triển ngành mây tre, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

#### c) Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại đối với các mặt hàng mây, tre trên địa bàn tỉnh.

#### d) Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Tư vấn, khuyến khích xây dựng các Tổ hợp tác, Hợp tác xã về trồng, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng mây, tre.

#### e) Hội Nông dân tỉnh

Tuyên truyền, vận động nông dân nâng cao ý thức trách nhiệm trồng, chăm sóc, bảo vệ tre phòng hộ và phát triển mây, tre nguyên liệu để phát triển sản xuất hàng mây, tre.

#### f) Các Sở, ban, ngành liên quan khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình,

phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch phát triển ngành mây, tre trên địa bàn tỉnh.

### **3. UBND các huyện, thành phố**

- Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng kế hoạch trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ bằng mây, tre, nghiên cứu khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng mây, tre để phòng hộ ở những vùng có nguy cơ sạt lở cao.

- Chỉ đạo sử dụng một phần nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (30a, 135-III,...) cho nhân dân trồng mây, tre.

- Triển khai thực tốt các cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở chế biến các mặt hàng mây, tre tại địa phương./.